

Số: 22/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 09 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2026 giữa:

1. *Nguyên đơn, chị:* Vàng Nhù X1; sinh ngày 25/12/1998
- Số Căn cước: 012198000684 ngày cấp 11/02/2025, nơi cấp Bộ Công an.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản N, xã B, tỉnh Lai Châu.

2. *Bị đơn, anh:* Vàng Nhù Xá; sinh ngày 01/01/1995
- Số CCCD số: 012095005772, ngày cấp, nơi cấp: Bộ C
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản N, xã B, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vàng Nhù X1; sinh năm 1998 và anh Vàng Nhù X; sinh năm 1995. Cùng trú tại bản Nậm Thú, xã B, tỉnh Lai Châu.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vàng Nhù X1 và anh V Nhù Xá thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. *Về nuôi con chung*: Chị Vàng Nhù X1 và anh V Nhù Xá thoả thuận nhất trí và thống nhất sau ly hôn: Chị Vàng Nhù X1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung là Vàng Thanh T, sinh ngày 04/01/2015; Vàng Nu H, sinh ngày 15/11/2017 và Vàng Minh A, sinh ngày 30/3/2020. Cho đến khi 03 con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Vàng Nhù X không trực tiếp nuôi 03 con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh X thực hiện quyền này.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Vàng Nhù X1 và anh Vàng Nhù X, thoả thuận, nhất trí tự giải quyết. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân*: Chị Vàng Nhù X1 và anh Vàng Nhù X, thoả thuận, nhất trí tự giải quyết. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Vàng Nhù X1 và anh V Nhù Xá mỗi người phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị V Nhù Xó tự nguyện nộp cho anh V Nhù Xó số tiền án phí mà anh X phải nộp là 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng chị V Nhù Xó phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị X1 đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Vàng Nhù X1 đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho chị V Nhù Xó 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000124 ngày 12 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

- Anh Vàng Nhù X không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND KV 4 - Lai Châu;
- Phòng THADS KV4 - Lai Châu;
- UBND xã Bum Tô;
- Đương sự;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lò Xuân Hải